

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: **29/10/2019**.

"*V/v Ly hôn và nuôi con chung*".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên** - Thẩm phán.

Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Khuôn** và bà **Hà Thị Thúy**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương -
Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia
phiên tòa: Bà Đinh Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXX ngày 25 tháng 9 năm 2019; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐ-HPT ngày 10 tháng 10 năm 2019 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐ-HPT ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Kim T**, sinh năm 1978.

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số 8B/86 phố Bùi T, phường Lê Th, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Số 562 phố Lê Th, phường Lê Th, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh N**, sinh năm 1976

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Số 8B/86 Bùi T, phường Lê Th, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Bà T có mặt; ông N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai; Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà **Đặng Thị Kim T** trình bày: Bà và ông N có được tự do tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng, được hai gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết

hôn tại UBND phường Lê Th, thành phố Hải Dương vào ngày 27/02/2002. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được khoảng 05 đến 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bất đồng về cách nuôi dạy con chung. Vì vậy, trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra cãi nhau, không khí gia đình nặng nề, căng thẳng, không ai nói chuyện với ai làm ảnh hưởng đến tinh thần các con chung. Mặt khác, ông N không quan tâm và có trách nhiệm gì đến kinh tế gia đình, tình cảm vợ chồng thờ ơ, lạnh nhạt, thường xuyên có những lời nói vô thức làm ảnh hưởng đến tư tưởng, tổn thương tinh thần của bà. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, việc vợ chồng mâu thuẫn, hai bên gia đình đều biết, các anh chị em đều động viên hòa giải nhiều lần nhưng cả hai không thể hòa hợp và cải thiện được tình cảm được. Hiện nay vợ chồng sống ly thân nhau, không ăn chung với nhau khoảng 02 năm nay, khi thì ông N về nhà bố mẹ ông N ăn, ở, khi ông N về nhà thì mẹ con bà lại đưa nhau về nhà bố mẹ đẻ của bà để ở. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N, đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm cho bà được ly hôn với ông N để mẹ con bà được ổn định tinh thần, các con an tâm học tập.

Theo nội dung bản tự khai; Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải, bị đơn là ông Nguyễn Anh N trình bày: Ông với bà T tự do tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Th, thành phố Hải Dương vào ngày 27/02/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, mấy năm trở lại đây vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt. Từ đó, thường xuyên xảy ra cãi vã, sống cùng một nhà nhưng không có tình cảm, bà T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không nấu cơm cho bố con ông ăn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, cả hai đều không có trách nhiệm và quan tâm gì đến nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do vậy, mỗi người có suy nghĩ và hành động theo quan điểm của mình, vợ chồng không ăn chung, ngủ chung, ly thân nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay bà T xin ly hôn, tại bản tự khai ông đã viết vì các con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ông khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với bà T nên bà T xin ly hôn ông hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Bà T và ông N đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đăng Phương L, sinh ngày 15/7/2003 và Nguyễn Minh Đ, sinh

ngày 26/8/2008. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu ông N cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng bà. Ông N đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu bà T phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng ông mỗi tháng 1.000.000đ/1 con (2 con = 2.000.000đ). Nếu bà T không đồng ý, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà T và ông N đều xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ số 8B/86 Bùi T, phường Lê Th, thành phố Hải Dương, được UBND thành phố Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng là Nguyễn Anh N- Đặng Thị Kim T và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên, ông bà thống nhất tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Bà T và ông N đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Bà T và ông N đều đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên toà bà T giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho bà được ly hôn với ông N và cho bà được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Nếu ông N có nguyện vọng được nuôi 01 con thì bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được nuôi 01 con là Nguyễn Minh Đ. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 của BLTTDS; Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Đề nghị xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, cho bà Đặng Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Anh N; Giao con là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/8/2008 cho bà T; giao con là

Nguyễn Đăng Phương L, sinh ngày 15/7/2003 cho ông N, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T và ông N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; Về tài sản chung: Bà T và ông N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết; Về tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Các đương sự xác định không có nên không phải xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông N nhận trực tiếp, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đã tiến hành giải quyết vụ án đảm bảo tính hợp lệ việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với nguyên, bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện để bị đơn là ông Nguyễn Anh N thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Nhưng ông N vẫn không có mặt tại Trụ sở Tòa án án theo giấy triệu tập của Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Bà Đặng Thị Kim T và ông Nguyễn Anh N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường phường Lê Th, thành phố Hải Dương vào ngày 27/02/2002, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 5- 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không có sự đồng cảm sẻ chia trong công việc và cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm lạnh nhạt, không khí gia đình nặng nề, căng thẳng, không ai nói chuyện với ai, không quan tâm gì đến nhau, không có hạnh phúc, làm ảnh hưởng đến tinh thần các con chung. Mâu thuẫn của vợ chồng bà T ông N hai bên gia đình nội ngoại đều biết và khuyên giải nhiều lần nhưng ông bà không thể cải thiện được tình cảm vợ chồng. Mặc dù, sống chung cùng nhà nhưng vợ chồng ly thân nhau 02 năm, trong suốt thời gian đó việc ai người đó làm, coi nhau như người thừa. Theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, bà T, ông N không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà T được ly hôn ông N là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Bà T và ông N đều xác định có 02 con chung là 02 con chung là Nguyễn Đăng Phương L, sinh ngày 15/7/2003 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/8/2008. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, bà T và ông N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, đều là công chức nhà nước có việc làm, thu nhập ổn định, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay, vợ chồng có 02 con đều cần có sự chăm sóc, dạy dỗ, gần gũi của bố mẹ. Tuy nhiên, bà T là giáo viên làm công tác quản lý, có điều kiện về thời gian đưa đón cháu Minh Đ đi học hàng ngày thuận lợi, hiện cháu Đ đang học cấp 1 nên bà T còn có thể trực tiếp dạy dỗ con học hành phù hợp với chương trình học cũng như môi trường giáo dục nên cần giao cháu Đ cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế. Đối với cháu Phương L (16 tuổi), cháu đã lớn có thể tự lập việc học tập, tự vệ sinh cá nhân cũng như giúp đỡ bố của cháu trong công việc nhà được nên việc giao cháu L cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận lợi và phù hợp quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung*: Bà T và ông N đều xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ số 8B/86 Bùi T, phường Lê Th, thành phố Hải Dương, được UBND thành phố Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng là Nguyễn Anh N- Đặng Thị Kim T và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình nhưng ông bà thống nhất sẽ tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên*: Bà T và ông N đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của

Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho bà Đặng Thị Kim T được ly hôn ông Nguyễn Anh N.

2. *Về con chung:* Xử giao con là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/8/2008 cho bà Đặng Thị Kim T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con là Nguyễn Đặng Phương L, sinh ngày 15/7/2003 cho ông Nguyễn Anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; kể từ tháng 10/2019 đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà T và ông N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Bà Đặng Thị Kim T và ông Nguyễn Anh N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Bà Đặng Thị Kim T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0006946 ngày 05/6/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn là bà T và bị đơn là ông N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm Hôn nhân và gia đình (ngày 29/10/2019)/.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Lê Th, TPHD;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên